

Số: 1357 /QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bảng mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu
và hướng dẫn sử dụng

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu và hướng dẫn sử dụng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2021 và thay thế công văn số 2765/TCHQ-GSQL ngày 01/04/2015 của Tổng cục Hải quan về mã loại hình XNK trên hệ thống VNACCS.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các tờ khai hải quan đã đăng ký theo loại hình tương ứng trước ngày Quyết định này có hiệu lực, nếu có thay đổi mục đích sử dụng, đăng ký tờ khai hải quan theo loại hình xuất khẩu, nhập khẩu mới thì sử dụng mã loại hình theo quy định tại Quyết định này kể từ thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới.

2. Đối với các mã loại hình đã được quy định tại Quyết định này nhưng thủ tục hải quan chưa được quy định cụ thể tại các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính thì chưa thực hiện cho đến khi có quy định cụ thể.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Cục Hải quan các tỉnh, thành phố chỉ đạo các Chi cục Hải quan trực thuộc thông báo công khai Quyết định này tại các địa điểm làm thủ tục hải quan để người khai hải quan biết, thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố tổng hợp, báo cáo về Tổng cục Hải quan (qua Cục Giám sát quản lý về Hải quan) để được hướng dẫn thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Phòng TM&CN Việt Nam (để phối hợp);
- Website hải quan (để thông báo);
- Lưu: VT, GSQL (10 b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Mai Xuân Thành



BẢNG MÃ LOẠI HÌNH VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 1357/QĐ-TCHQ ngày 18/5/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

I. MÃ LOẠI HÌNH XUẤT KHẨU

TT	Mã LH	Khai kết hợp	Tên	Hướng dẫn sử dụng	Ghi chú
1	B11	X	Xuất kinh doanh	Sử dụng trong trường hợp: a) doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan, DNCX hoặc xuất khẩu tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài theo hợp đồng mua bán b) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả DNCX) thực hiện quyền kinh doanh xuất khẩu hàng hóa có nguồn gốc mua trong nước.	
2	B12		Xuất sau khi đã tạm xuất	Sử dụng trong trường hợp: a) Doanh nghiệp đã tạm xuất hàng hóa nhưng không tái nhập trở lại mà thay đổi mục đích sử dụng để bán, tặng hoặc dùng hàng hóa này với mục đích khác ở nước ngoài hoặc trong khu phi thuế quan, DNCX. b) Hàng hóa đặt gia công ở nước ngoài hoặc trong khu phi thuế quan, DNCX nhưng không tái nhập trở lại mà thay đổi mục đích sử dụng để bán, biếu, tặng, tiêu hủy tại nước ngoài hoặc trong khu phi thuế quan, DNCX	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa đã tạm xuất theo mã loại hình G61
3	B13	X	Xuất khẩu hàng đã nhập khẩu	Sử dụng trong trường hợp: a) Xuất khẩu hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu (chưa qua quá trình gia công, chế biến) ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan, DNCX hoặc xuất khẩu tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài; b) Hàng hóa thanh lý của doanh nghiệp chế xuất và máy móc, thiết bị được miễn thuế thanh lý theo hình thức bán ra nước ngoài hoặc bán vào DNCX; c) Xuất khẩu nguyên liệu, vật tư dư thừa của hoạt động gia công, SXKK, chế xuất ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan, DNCX hoặc xuất khẩu tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài;	

4	E42	X	Xuất khẩu sản phẩm của DNCX	Sử dụng trong trường hợp xuất khẩu sản phẩm của DNCX ra nước ngoài và xuất vào nội địa.	Trường hợp xuất vào nội địa phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã điểm đích vận chuyển bảo thuế và chỉ tiêu số quản lý nội bộ
5	E52	X	Xuất sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp: a) Xuất sản phẩm cho đối tác thuê gia công ở nước ngoài hoặc giao hàng theo chỉ định của bên đặt gia công; b) Xuất khẩu sản phẩm gia công tự cung ứng nguyên liệu c) Xuất trả sản phẩm gia công cho DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan; d) Xuất khẩu suất ăn của hãng hàng không nước ngoài cho tàu bay xuất cảnh.	Trường hợp xuất vào DNCX, khu phi thuế quan phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã điểm đích vận chuyển bảo thuế và chỉ tiêu số quản lý nội bộ.
6	E54	X	Xuất nguyên liệu gia công từ hợp đồng này sang hợp đồng khác	Sử dụng trong trường hợp: Chuyển nguyên liệu, vật tư từ hợp đồng này sang hợp đồng khác, không bao gồm việc chuyển thiết bị, máy móc.	Lưu ý: - Thiết bị máy móc khai báo theo chế độ tạm, khi chuyển mục đích sử dụng G23; - Trường hợp này phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã điểm đích vận chuyển bảo thuế và chỉ tiêu số quản lý nội bộ.
7	E62	X	Xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu	Sử dụng trong trường hợp: a) Xuất sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu nhập khẩu ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan (bao gồm trường hợp xuất cho thương nhân nước ngoài và được chỉ định giao hàng tại Việt Nam) b) Xuất khẩu suất ăn cho tàu bay của hãng hàng không Việt Nam	Trường hợp xuất vào nội địa phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã điểm đích vận chuyển bảo thuế và chỉ tiêu số quản lý nội bộ.
8	E82	X	Xuất nguyên liệu, vật tư thuê	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam xuất nguyên liệu, vật tư thuê nước ngoài gia công hoặc thuê DNCX gia công; Trường hợp xuất khẩu máy móc, thiết bị theo dõi bằng chế độ tạm G61.	

			gia công ở nước ngoài		
9	G21	X	Tái xuất hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất	Sử dụng trong trường hợp tái xuất hàng đã tạm nhập theo loại hình kinh doanh TNTX mã G11 (bao gồm hoán đổi xăng dầu tái xuất).	Doanh nghiệp tự xác định và khai thời hạn lưu giữ tại Việt Nam trên tờ khai hải quan. Trường hợp gia hạn phải thực hiện sửa đổi, bổ sung thông tin quản lý hàng TNTX.
10	G22	X	Tái xuất máy móc, thiết bị đã tạm nhập để phục vụ dự án có thời hạn	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân đã tạm nhập theo mã G12.	Doanh nghiệp tự xác định và khai thời hạn lưu giữ tại Việt Nam trên tờ khai hải quan. Trường hợp gia hạn phải thực hiện sửa đổi, bổ sung thông tin quản lý hàng TNTX.
11	G23	X	Tái xuất hàng tạm nhập miễn thuế	Sử dụng trong trường hợp tái xuất hàng hóa đã tạm nhập sử dụng mã G13, A44.	
12	G24	X	Tái xuất khác	Sử dụng trong các trường hợp tái xuất hàng hóa đã tạm nhập theo mã G14.	
13	G61	X	Tạm xuất hàng hóa	Sử dụng trong trường hợp: a) Tạm xuất hàng hóa ra nước ngoài, vào khu phi thuế quan hoặc từ khu phi thuế quan ra nước ngoài theo chế độ tạm; b) Tạm xuất hàng hóa của cá nhân được nhà nước Việt Nam cho miễn thuế; c) Hàng hóa tạm xuất để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, sự kiện thể thao, văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác; d) Máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp tạm xuất để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định hoặc phục vụ hoạt động đặt gia công nước ngoài;	

				<p>đ) Hàng hóa tạm xuất để bảo hành, sửa chữa, thay thế;</p> <p>e) Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm xuất để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;</p> <p>g) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, khuôn, mẫu tạm xuất để sản xuất, thi công công trình thực hiện dự án, thử nghiệm;</p> <p>h) Tạm xuất hàng hóa khác.</p>	
14	C12	X	Hàng hóa từ kho ngoại quan xuất đi nước ngoài	<p>Sử dụng trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa đưa từ kho ngoại quan ra nước ngoài hoặc đưa vào các khu phi thuế quan; - Hàng hóa đưa từ kho ngoại quan này qua kho ngoại quan khác. 	
15	C22	X	Hàng đưa ra khu phi thuế quan	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan (trừ doanh nghiệp chế xuất, kho ngoại quan) ra nước ngoài hoặc vào thị trường nội địa.	
16	H21	X	Xuất khẩu hàng khác	<p>Sử dụng trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở Việt Nam gửi cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; b) Hàng hóa của cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và những người làm việc tại các cơ quan, tổ chức này; c) Hàng hóa là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân; d) Hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; e) Hàng mẫu; g) Hành lý cá nhân của người xuất cảnh gửi theo vận đơn, hàng hóa mang theo người xuất cảnh vượt tiêu chuẩn miễn thuế; h) Các hàng hóa khác chưa được định danh ở trên. 	

II. MÃ LOẠI HÌNH NHẬP KHẨU

TT	Mã LH	Khai kết hợp	Tên	Hướng dẫn sử dụng	Ghi chú
1	A11		Nhập kinh doanh dùng tiêu	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để kinh doanh, tiêu dùng, bao gồm: a) Nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài; b) Nhập khẩu hàng hóa từ khu phi thuế quan, DNCX; c) Nhập khẩu tại chỗ.	Riêng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhập khẩu theo giấy chứng nhận đăng ký quyền nhập khẩu sử dụng mã loại hình A41 để làm thủ tục nhập khẩu.
2	A12		Nhập kinh doanh sản xuất	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam nhập nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất trong nước (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư): a) Nhập khẩu từ nước ngoài; b) Nhập khẩu từ khu phi thuế quan, DNCX; c) Nhập khẩu tại chỗ (trừ GC, SXXK, DNCX và doanh nghiệp trong khu phi thuế quan); d) Nhập khẩu hàng hóa theo hình thức thuê mua tài chính.	
3	A21		Chuyển tiêu thụ nội địa từ nguồn tạm nhập	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp chuyển tiêu thụ nội địa có nguồn gốc từ tạm nhập khẩu. Trường hợp chuyển tiêu thụ nội địa từ các nguồn khác sử dụng mã A42.	
4	A31		Nhập khẩu hàng hóa đã xuất khẩu	Sử dụng trong trường hợp tái nhập hàng đã xuất khẩu của các loại hình xuất kinh doanh, xuất sản phẩm gia công, xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu, xuất sản phẩm của DNCX, xuất nguyên liệu đặt nước ngoài gia công (bao gồm: nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm), hàng hóa xuất khẩu khác	

				theo loại hình H21 nhưng bị trả lại để tiêu thụ nội địa hoặc tiêu hủy.	
5	A41		Nhập kinh doanh của doanh nghiệp thực hiện quyền nhập khẩu	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm DNCX), doanh nghiệp nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thực hiện nhập khẩu hàng hóa theo quyền nhập khẩu để bán trực tiếp tại Việt Nam (không qua sản xuất).	
6	A42		Thay đổi mục đích sử dụng hoặc chuyển tiêu thụ nội địa từ các loại hình khác, trừ tạm nhập	Sử dụng trong trường hợp: a) Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, ưu đãi thuế (bao gồm cả hạn ngạch thuế quan), sau đó thay đổi mục đích sử dụng hoặc chuyển tiêu thụ nội địa, trừ hàng hóa tạm nhập tái xuất (bao gồm cả kinh doanh tạm nhập tái xuất). b) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa tại chỗ quá thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông quan tờ khai xuất khẩu tại chỗ, nhưng doanh nghiệp không thông báo cho cơ quan hải quan thông tin tờ khai hải quan nhập khẩu tại chỗ tương ứng đã hoàn thành thủ tục hải quan.	
7	A43	X	Nhập khẩu hàng hóa thuộc Chương trình ưu đãi thuế	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu linh kiện ô tô theo Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô (Chương trình ưu đãi thuế); nguyên liệu, vật tư, linh kiện để để sản xuất, gia công (lắp ráp) các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển cho ngành sản xuất, lắp ráp ô tô giai đoạn năm 2020-2024 (gọi tắt là Chương trình ưu đãi thuế CNHT ô tô) quy định tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ	
8	A44		Tạm nhập hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp tạm nhập hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế.	
9	E11	X	Nhập nguyên liệu của DNCX từ nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp DNCX nhập nguyên liệu, vật tư từ nước ngoài để sản xuất, gia công.	

10	E13	X	Nhập hàng hóa khác vào DNCX	Sử dụng trong trường hợp DNCX nhập khẩu từ nước ngoài, từ nội địa hoặc từ DNCX khác và thuê mua tài chính: a) Công cụ dụng cụ, hàng hóa tạo tài sản cố định, trừ trường hợp tạm nhập máy móc, thiết bị theo hình thức thuê mượn, hàng hóa nhập khẩu thực hiện theo G12; b) Hàng hóa khác chỉ sử dụng trong doanh nghiệp chế xuất (thuộc đối tượng không chịu thuế).	
11	E15		Nhập nguyên liệu, vật tư của DNCX từ nội địa	Sử dụng trong trường hợp DNCX nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất, gia công từ nội địa hoặc từ DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan khác.	
12	E21	X	Nhập nguyên liệu, vật tư để gia công cho thương nhân nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp: a) Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để gia công cho thương nhân nước ngoài hoặc DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan từ các nguồn: Nhập khẩu từ nước ngoài của bên đặt gia công; Nhập khẩu theo chỉ định của bên đặt gia công; Tự cung ứng từ nguồn nhập khẩu theo thỏa thuận với bên đặt gia công. b) Nhập khẩu hàng hóa để cung ứng cho tàu bay của hãng hàng không nước ngoài xuất cảnh	
13	E23	X	Nhập nguyên liệu, vật tư gia công từ hợp đồng khác chuyển sang	Sử dụng trong trường hợp nhận nguyên liệu, vật tư từ hợp đồng gia công khác chuyển sang theo thủ tục XNK tại chỗ.	
14	E31	X	Nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu từ các nguồn: a) Từ nước ngoài; b) Từ khu phi thuế quan, DNCX; c) Nhập tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài.	Áp dụng đối với các trường hợp đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 134/2016/NĐ-CP. Trường hợp không đáp

				d) Nhập khẩu hàng hóa để cung ứng cho tàu bay của hãng hàng không Việt Nam xuất cảnh	ứng, thì khai báo theo loại hình A12.
15	E33	X	Nhập nguyên liệu, vật tư vào kho bảo thuế	Sử dụng trong trường hợp nhập nguyên liệu, vật tư đưa vào kho bảo thuế để sản xuất hàng xuất khẩu.	
16	E41		Nhập sản phẩm thuê gia công ở nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam (bao gồm cả DNCX) nhập lại sản phẩm sau khi gia công ở nước ngoài hoặc thuê DNCX gia công.	
17	G11		Tạm nhập hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa theo loại hình kinh doanh tạm nhập tái xuất	
18	G12		Tạm nhập máy móc, thiết bị phục vụ dự án có thời hạn	Sử dụng trong trường hợp: a) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập tái xuất để sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thực hiện dự án, thử nghiệm; b) Tàu biển, tàu bay tạm nhập - tái xuất để sửa chữa, bảo dưỡng tại Việt Nam	
19	G13		Tạm nhập miễn thuế	Sử dụng trong trường hợp: a) Hàng hóa tạm nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, sự kiện thể thao, văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác; b) Máy móc, thiết bị tạm nhập để thử nghiệm, nghiên cứu phát triển sản phẩm; c) Máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp tạm nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định hoặc phục vụ gia công cho thương nhân nước ngoài, gia công cho DNCX, trừ trường hợp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất;	Doanh nghiệp phải khai báo mã loại hình cùng với các mã miễn thuế hoặc không chịu thuế tùy thuộc vào các trường hợp nêu trên (tham khảo các Bảng mã tại www.customs.gov.vn)

				<p>c) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm nhập để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài;</p> <p>d) Hàng hóa tạm nhập để cung ứng cho tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam;</p> <p>đ) Hàng hóa tạm nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế;</p> <p>e) Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;</p> <p>g) Hàng hóa tái nhập hàng của các loại hình xuất kinh doanh, xuất sản phẩm gia công, xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu, xuất sản phẩm của DNCX, xuất khẩu hàng hóa khác bị trả lại để sửa chữa, tái chế sau đó tái xuất trả lại khách hàng hoặc tái xuất sang nước thứ ba hoặc vào khu phi thuế quan.</p> <p>h) Máy móc thiết bị chuyển từ hợp đồng gia công này sang hợp đồng gia công khác</p>	
20	G14		Tạm nhập khác	<p>Sử dụng trong trường hợp:</p> <p>a) Ô tô, xe máy tạm nhập của các tổ chức, cá nhân được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao;</p> <p>b) Sử dụng trong các trường hợp tạm nhập khác chưa được chi tiết nêu tại G11, G12, G13.</p>	
21	G51		Tái nhập hàng hóa đã tạm xuất	<p>Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa đã tạm xuất (xuất theo chế độ tạm) bao gồm:</p> <p>a) Hàng hóa đã tạm xuất để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, sự kiện thể thao, văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác;</p> <p>b) Máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp đã tạm xuất để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định hoặc phục vụ hoạt động gia công ở nước ngoài;</p> <p>c) Hàng hóa đã tạm xuất gửi đi bảo hành, sửa chữa;</p> <p>d) Hàng hóa đã tạm xuất phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng khác (kệ, giá, thùng, lọ...);</p> <p>đ) Hàng hóa đã tạm xuất của những cá nhân được nhà nước Việt Nam cho</p>	

				<p>miễn thuế;</p> <p>e) Hàng hóa đã tạm xuất là dụng cụ, nghề nghiệp, phương tiện làm việc tạm xuất có thời hạn của cơ quan, tổ chức, của người xuất cảnh;</p> <p>g) Hàng hóa đã tạm xuất là thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, khuôn, mẫu để sản xuất, thi công công trình thực hiện dự án, thử nghiệm;</p> <p>h) Tái nhập các hàng hóa đã tạm xuất khác.</p>	
22	C11	X	Hàng nước ngoài gửi kho ngoại quan	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa từ nước ngoài gửi kho ngoại quan; hàng hóa đưa từ kho ngoại quan khác.	
23	C21	X	Hàng đưa vào khu phi thuế quan	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa từ nước ngoài đưa vào khu phi thuế quan, trừ hàng hóa đưa vào doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho bảo thuế.	
24	H11		Hàng nhập khẩu khác	<p>Sử dụng trong trường hợp:</p> <p>a) Quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi cho tổ chức, cá nhân ở Việt Nam;</p> <p>b) Hàng hóa của cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và những người làm việc tại các cơ quan, tổ chức này (trừ ô tô, xe máy sử dụng mã G14);</p> <p>c) Hàng hóa là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân;</p> <p>d) Hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại;</p> <p>đ) Hàng mẫu;</p> <p>e) Hành lý cá nhân của người nhập cảnh gửi theo vận đơn</p> <p>g) Hàng hóa mang theo người nhập cảnh vượt tiêu chuẩn miễn thuế;</p> <p>h) Hàng hóa nhập khẩu của thương nhân nước ngoài được phép kinh doanh tại chợ biên giới;</p> <p>i) Các hàng hóa khác chưa được định danh ở trên.</p>	